**Bài 6: Tình yêu tổ quốc**

**(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 78**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Xác định được một số yếu tố của thơ luật Đường: *Thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường, bố cục, luật, niêm, vần, nhịp, đối…*

- Xác định và phân tích được đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

- Liên hệ, kết nối với các văn bản có cùng chủ đề.

- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- Trình bày ý kiến và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ GV tổ chức trò chơi: NHÌN TRANH ĐOÁN TÊN NHÂN VẬT LỊCH SỬ.

+ Có 4 bức ảnh liên quan đến 4 nhân vật lịch sử. HS nhìn tranh và đoán tên sự kiện lịch sử liên quan. Đoán đúng sẽ được điểm thưởng từ giáo viên.

*=> Những nhân vật lịch sử với những chiến công hiển hách của họ đã gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS quan sát, suy nghĩ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến sản phẩm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Báo Thái Bình điện tử | Trần Quốc Toản: Đức hiếu vị thiếu niên anh hùng 15 tuổi "Phá cường địch,  báo hoàng ân" - Hồ Sơ Danh Nhân | 6 câu nói bất tử của "huyền thoại đất đỏ" Võ Thị Sáu còn nguyên giá trị cho  muôn đời - Hồ Sơ Danh Nhân | Bến Nhà Rồng - Khởi đầu hành trình đến tương lai |
| 1. Ngô Quyền | 2. Trần Quốc Toản | 3. Chị Võ Thị Sáu | 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh |

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng và có truyền thống yêu nước. Tình yêu tổ quốc của nhân dân ta được thể hiện qua các thời kỳ đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Tình yêu ấy cũng được thể hiện qua các áng văn thơ bất hủ. Trong bài này các em sẽ được học các bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật đường viết về tình yêu tổ quốc của cha ông để tự hào về truyền thống của dân tộc và hiểu vẻ đẹp của hai thể thơ này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Tình yêu tổ quốc, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về tình yêu tổ quốc, đất nước.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được một số yếu tố của thơ luật Đường: *Thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường, bố cục, luật, niêm, vần, nhịp, đối…*

- Xác định và phân tích được đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

- Liên hệ, kết nối với các văn bản có cùng chủ đề.

- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- Trình bày ý kiến và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường là gì?*  *+ Bố cục của bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường gồm mấy phần?*  *+ Trình bày về khái niệm: luật, niêm, vần, nhịp, đối trong thể loại luật Đường.*  *+ Trình bày đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  - Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường (Trung Quốc).  + Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.  + Thơ tứ tuyệt luật Đường: Mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. Thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tử tuyệt luật Đường thể hiện qua bố cục, luật, niêm, vần, đối.  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt luật Đường đều gồm bốn phần:  + Bố cục bài thơ thất ngôn bát củ luật Đường thường được chia theo các cặp câu: Đề (câu 1, 2: mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ); Thực (câu 3, 4: triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc); Luận (câu 5, 6: mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc); Kết (câu 7, 8: thâu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý). Tuy vậy, bố cục bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường cũng có thể chia theo những cách khác (ví dụ: bốn câu đầu — bốn câu cuối; sáu câu đầu – hai câu cuối...).  + Bố cục bài thơ tứ tuyệt luật Đường thường được chia làm bốn phần: Khai (câu 1: khai mở ý của bài thơ); Thừa (câu 2: thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần Khai); Chuyển (câu 3: chuyển ý); Hợp (câu 4: kết ý). Nhưng cũng có thể chia bố cục bài thơ thuộc thể này thành hai phần: câu 1 – 2; câu 3 – 4.  **\* Luật:**  - Luật thơ là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ.  - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần tuân theo luật bằng/ trắc rõ ràng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc thanh huyền) thì bài thơ làm theo luật bằng. Ví dụ: tiếng “thu” trong câu 1 – bài thơ Thu điếu của Nguyễn Khuyến: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo cho biết bài thơ bát cú này làm theo luật bằng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì bài thơ làm theo luật trắc. Ví dụ: tiếng “dạ” trong câu 1 – bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh: Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên cho biết bài thơ tứ tuyệt này làm theo luật trắc.  **\* Niêm:**Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường được gọi là niệm. Hai câu thơ được gọi là niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định niêm luật như sau: câu 1 niệm với câu 8; câu 2 niệm với câu 3; câu 4 niệm với câu 5; câu 6 niệm với câu 7. Thơ tứ tuyệt luật Đường quy định câu 1 niệm với câu 4, câu 2 niệm với câu 3.  **\* Vần:**Cách gieo vần của thơ luật Đường là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng.  **\* Nhịp**: Cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.  **\* Đối:** Cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu. Thơ tứ tuyệt luật Đường không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  **2. Đảo ngữ: đặc điểm và tác dụng**  - Đảo ngữ là biện pháp tu từ thay đổi vị trí các thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng. Ví dụ:  *Củi một cành khô lạc mấy dòng*  (Huy Cận, Tràng giang)  - Việc thay đổi vị trí từ “củi” trong cụm từ “của một cành khô” (cách diễn đạt thông thường là “một cành củi khô”) có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.  **3. Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng**  - Câu hỏi tu từ là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.  Ví dụ:  “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.  (Ba-bin-đra-nát Ta-go, Mây và sóng)  - Câu hỏi tu từ “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” được sử dụng để nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé với người mẹ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ trình bày kiến thức về thơ luật Đường.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Ôn tập kiến thức lý thuyết đã được học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Nam quốc sơn hà**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được một số yếu tố của thơ luật Đường: *Thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường, bố cục, luật, niêm, vần, nhịp, đối…*

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

- Xác định và phân tích được đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

*Em có hiểu biết gì về truyền thống yêu nước của nhân dân ta?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.

- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày ý kiến cá nhân

- GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam ta đã đứng lên chống giặc ngoại xâm rất oanh liệt. Tự hào thay! Ông cha ta đã đưa đất nước sang một trang lịch sử mới. Đó là thoát khỏi ách đô hộ ngàn năm của phong kiến phương Bắc, kỷ nguyên mới đã mở ra. Vì thế bài thơ “Nam quốc sơn hà” ra đời được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, khẳng định một quốc gia độc lập chủ quyền. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về nội dung bản tuyên ngôn này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc**.**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Suy luận:***Em hiểu như thế nào là thiên thư?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Đọc**  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  **Suy luận:** “Thiên thư” tức là sách trời là nói đến thuyết “Nhị thập bát tú” của một số quốc gia Á châu cổ đại, đặc biệt là Trung Hoa. “Nhị thập bát tú” là cách gọi của 28 chòm sao nằm trên bầu trời theo cách chia trong thiên văn học cổ đại. Hay còn có cách hiểu khách là sách trời, là bờ cõi được. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật như: *bố cục, niêm, luật, vần, đối.*

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Suy luận:***Em hiểu như thế nào là thiên thư?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Đọc**  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  **Suy luận:** “Thiên thư” tức là sách trời là nói đến thuyết “Nhị thập bát tú” của một số quốc gia Á châu cổ đại, đặc biệt là Trung Hoa. “Nhị thập bát tú” là cách gọi của 28 chòm sao nằm trên bầu trời theo cách chia trong thiên văn học cổ đại. Hay còn có cách hiểu khách là sách trời, là bờ cõi được. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + GV chia lớp thành 4 nhóm thực hành:  Nhóm 1 – 2: PHT số 1: *Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ.*  Nhóm 3 – 4: PHT số 2    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm PHT số 2:    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  GV chia lớp thành 4 nhóm lên bóc thăm thảo luận 4 câu hỏi sau:  *- Ở hai câu cuối, tác giả nói về điều gì nói với ai và bằng thái độ tình cảm như thế nào?*  *- Nêu chủ đề và cảm hứng của bài thơ.*  *- Nam quốc sơn hà được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “thần”. Hãy phát biểu ý kiến của em về điều này.*  *- Nêu một số dẫn chứng lấy từ lịch sử hoặc từ văn chương cho thấy tinh thần và ý chí độc lập chủ quyền trở thành một truyền thống vẻ vang của dân tộc.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.** | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Tìm hiểu về một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ**  - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.  - Dấu hiệu nhận biết:  + số câu: 4  + Số chữ trong 1 câu: 7  + Niêm: chữ thứ 2 trong câu một là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “ trắc”, chữ thứ 2 của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “bằng”.  + Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư).  + Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  + Kết luận: bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vần của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường.  **2. Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục**  - 2 câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tất yếu không hề thay đổi của chủ quyền đất nước. Tác giả dùng từ “Nam quốc”, “Nam đế” để khẳng định dân của quốc gia của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình.  - Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: N*am quốc sơn hà / Nam đế cư* hoặc N*am quốc / sơn hà / Nam đế cư* tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật đường tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm.  - Việc nói đến “thiên thư” sách trời trong câu thơ thứ hai cho thấy tính pháp lý của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ quy định rõ bằng văn bản của nhà trời, không phải chuyện người thường muốn thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược.  - Bố cục:  + Câu 1- 2: giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi có chủ quyền đất nước.  + Câu 3 - 4: cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam.  **3. Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản**  - **Chủ đề**: Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ gỗ đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  **- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *GV tổ chức trò chơi* ***Hái hoa dân chủ****.*

+ Luật chơi: HS xung phong bốc thăm các câu hỏi và trả lời nhanh. Với mỗi câu trả lời đúng của Hs, Gv có phần thưởng khích lệ. Nếu Hs trả lời sai, Hs khác có quyền tiếp tục trả lời. GV chuẩn bị đồng hồ đếm ngược 30 giây. Các câu hỏi Nêu một số dấu hiệu nhận biết của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: số câu, số chữ, bố cục, luật bằng trắc, gieo vần, ngắt nhịp, niêm, đối.

- HS nhận nhiệm vụ:

**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**

- Hs trả lời

- Hs khác lắng nghe, bổ sung

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

Khái quát đặc điểm thể loại

*- Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường*là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt: mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.

- Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận, Kết.

- Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: *“Nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh.”*

- Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần được sử dụng là vần bằng.

- Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn.

- Đối: cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

*Viết đoạn văn (Khoảng 4 đến 5 câu) nêu cảm nhận của em về bài thơ* Nam quốc sơn hà. (Kĩ thuật “viết tích cực”)

**\* Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn theo yêu cầu:

- Dung lượng đoạn văn từ 4- 5 câu; đảm bảo hình thức đoạn văn.

- Nội dung của đoạn văn: Cảm nhận của em về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

**\* Bước 3:** **Báo cáo kết quả**

- GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét

(Nếu hết thời gian thì để chữa bài vào tiết sau hoặc dạy chiều)

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, rút kinh nghiệm đoạn văn của học sinh

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  1. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Nam quốc sơn hà là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường:  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  1. Qua 2 câu đầu tác giả muốn khẳng định điều gì?  a. Tác dụng của cách dùng từ, ngắt nhịp trong câu: Nam quốc sơn hà Nam đế cư.  b. Tác dụng của việc nói đến thiên thư trong câu thứ 2.  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  2. Em hãy nêu bố cục của bài thơ.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**Qua đèo ngang**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được một số yếu tố của thơ luật Đường: *Thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường, bố cục, luật, niêm, vần, nhịp, đối…*

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

- Xác định và phân tích được đặc điểm và tác dụng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

+ GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

- Hình ảnh dưới đây nói về địa danh nào?

- Chia sẻ những hiểu biết của em về địa danh này.



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học *Qua đèo ngang* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV chia lớp thành 4 nhóm:**  + Nhóm 1, 2: PHT số 1  + Nhóm 3,4: PHT số 2   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  *Tìm hiểu về nhà thơ*  *Bà Huyện Thanh Quan*  1. Tác giả:  - Tên khai sinh: ……………………….  ………………………………………...  - Phong cách sáng tác: …………………  …………………………………………  2. Tác phẩm:  - Hoàn cảnh sáng tác: ………………….  ………………………………………….  - Thể thơ: ………………………………  …………………………………………  - Tác phẩm tiêu biểu: ………………….  …………………………………………  ………………………………………… |  |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Đặc điểm thể loại thể hiện trong tác phẩm | | | **Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú** | **Thể hiện trong bài thơ** | | Bố cục |  | | Luật |  | | Niêm |  | | Vần |  | | Nhịp |  | | Đối câu |  |   - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên thật là Nguyễn Thị Hinh  - Bà sống vào thế kỉ 19.  - Là một trong 3 nữ sĩ nổi tiếng của thơ ca Trung đại Việt Nam.  - Thơ bà mang phong cách hoài cổ.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Thanh Long thành hoài cổ, Chiều hôm nhớ nhà, Qua chùa Trấn Bắc…*  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích  b. Tìm hiểu chung về tác phẩm  - Hoàn cảnh sáng tác: Được sáng tác khi bà đang trên đường vào Huế nhậm chức và dừng chân nghỉ tại đèo Ngang.  - Thể loại: Thơ thất ngôn bát cú.  Đặc điểm của thể loại thể hiện trong văn bản:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Đặc điểm thể loại thể hiện trong tác phẩm | | | **Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú** | **Thể hiện trong bài thơ** | | Bố cục | - Đề (1-2): cái nhìn bao quát về cảnh vật vắng vẻ, đìu hiu, thể hiện tâm trạng cô đơn buồn bã của tác giả.  - Thực (3-4): miêu tả cuộc sống, con người ở Đèo Ngang.  - Luận (5-6): mượn âm thanh và khung cảnh tự nhiên để gửi gắm tâm trạng nhớ nước, thương nhà của tác giả.  - Kết (7-8): thể hiện tình cảnh và tâm sự cô đơn của tác giả. | | Luật | Luật trắc vì tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh trắc (tới). | | Niêm | Niêm: 1-8; 2-3; 4-5; 6-7 | | Vần | Độc vận: chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1(tà) và các câu chẵn là 2,4,6,8 (hoa-nhà-gia-ta\_ | | Nhịp | Nhịp: 2/2/3 hoặc 4/3  Chủ yếu ngắt nhịp 4/3, hai câu 4 và 6 ngắt nhịp 2/2/3 tạo âm điệu nhẹ nhàng, sâu lắng. | | Đối câu | Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6. | |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được một số yếu tố của hài kịch: *xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…*

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu HS hoạt động theo nhóm  + Nhóm 1,3: tìm hiểu về các hình ảnh, từ ngữ độc đáo trong bài thơ và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung.  + Nhóm 2,4: tìm hiểu về biện pháp tu từ đặc sắc trong bài và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong bài thơ.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động cặp đôi)**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Cách ngắt nhịp của câu thơ thứ bảy có gì đặc biệt? Cách ngắt nhịp đó giúp em hình dung như thế nào về tâm trạng của tác giả?*  *+ Theo em, đại từ “ta” trong câu thơ cuối được hiểu như thế nào?*  *+ Tình cảm của tác giả thể hiện qua câu thơ cuối là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động cặp đôi)**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+* Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của bài thơ?  + Theo em, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?  + Bài thơ gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?  + Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong bài thơ?  + Sau khi học xong bài thơ, em rút ra lưu ý gì khi đọc hiểu thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.** | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ.**  - Thời gian: bóng xế tà  - Hình ảnh: cỏ, cây, đá, lá, hoa   * Từ láy: lom khom, lác đác * Điệp từ: chen   🡪 Khung cảnh hoang vắng nhưng đầy sức sống của thiên nhiên Đèo Ngang và sự lặng lẽ, đìu hiu của đời sống con người. Qua đó làm nổi bật tâm trạng cô đơn, rợn ngợp trước thiên nhiên bao la của tác giả.   * Biện pháp tu từ:   + Biện pháp đảo ngữ: Cặp câu 3 – 4. Tác dụng: nhấn mạnh vào sự nhỏ bé của con người trước thiên nhiên rộng lớn. Cảnh vật và con người dường như có sự xa cách khiến cho không khí càng thêm hoang vu, cô quạnh. Từ đó, làm rõ tâm trạng cô đơn, lẻ loi và nhớ nước, thương nhà của tác giả.  + Biện pháp nhân hoá: Cặp câu 5 – 6. Tác dụng: nhấn mạnh sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên, đối lập với sự thiếu sức sống của bức tranh sinh hoạt nơi xóm núi.  **2.** **Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  - Ngắt nhịp *Dừng chân đứng lại/trời/non/nước* (4/1/1/1).  🡪 Tâm trạng: ngập ngừng khi dừng chân, rồi quyết định đứng lại để có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đèo Ngang lúc xế tà. Tác giả cảm thấy cô đơn, rợn ngợp khi nhận ra mình nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ “trời, non, nước”.   * Câu: *Một mảnh tình riêng, ta với ta*   + Từ ngữ đặc sắc: *mảnh tình*.  + Cách diễn đạt độc đáo: *ta với ta*.  🡪 Mạch cảm xúc có sự vận động: từ nỗi buồn do ngoại cảnh tác động đến tâm trạng nhớ nước, thương nhà và cuối cùng là sự cô đơn khi đối diện với chính mình, không có đối tượng để chia sẻ.  **III. Tổng kết**   1. **Nghệ thuật:**   - Thể thơ thất ngôn bát cú được sử dụng điêu luyện.  - Sử dụng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, phép đối hiệu quả.  - Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa.   1. **Nội dung:**   Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thơ khi đứng trước khung cảnh hoang vắng của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước của một thời quá vãng.   1. **Chiến thuật đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú luật Đường:**   – Xác định đặc trưng thể loại thơ.  – Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.  – Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy hệ thống lại nội dung bài học theo đặc trưng thể loại bằng sơ đồ tư duy dựa vào khung sơ đồ gợi ý sau:



**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*:*  Em hãy viết đoạn văn (từ 10-15 dòng) nêu cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên ở đèo Ngang.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  *Tìm hiểu về nhà thơ*  *Bà Huyện Thanh Quan*  1. Tác giả:  - Tên khai sinh: ………………………………………………………………………….  ………………………………………................................................................................  - Phong cách sáng tác: ……………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………  2. Tác phẩm:  - Hoàn cảnh sáng tác: …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………….  - Thể thơ: …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………….  - Tác phẩm tiêu biểu: …………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………….……………………………………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  *Đặc điểm thể loại thể hiện trong tác phẩm* | |
| **Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú** | **Thể hiện trong bài thơ** |
| Bố cục |  |
| Luật |  |
| Niêm |  |
| Vần |  |
| Nhịp |  |
| Đối câu |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  *Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ*   |  |  | | --- | --- | | **Hình ảnh** | **Từ ngữ** | | …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. | …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. |  |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. | …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. |   . |

**Lòng yêu nước của nhân dân ta**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Trình bày được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Chăm chỉ:Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung sẽ giúp các em rèn luyện, phát triển bản thân để đạt được những thành công lớn lao trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HS:

+ GV cho HS chia sẻ cảm nhận sau khi nghe bài hát:

Hào khí Việt Nam: <https://youtu.be/_hzRGz2_uH0>

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Lòng yêu nước của nhân dân ta*sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  GV yêu cầu HS:  *+ Giới thiệu về tác giả.*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  ***+*** *Xác định phương thức biểu đạt và bố cục của văn bản.*  *+ Tóm tắt lại tác phẩm.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  *- Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.*  *- Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.*  *- Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan.*  *- Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc.*  *- Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn, nhà thơ lớn.*  *- Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thể giới.* | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung (19/5/1890 - 2/9/1969).  - Quê: Xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.  - Người là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc VN, Danh nhân văn hóa thế giới…  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích.  - Tóm tắt: Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Từ xưa đến này, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng là tinh thần ấy lại kết thành một làn sóng mạnh mẽ. Lịch sử dân tộc đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại của Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi… Ngày này, đồng bào ta cũng xứng đáng với tổ tiên ngày trước. Từ các cụ già đến trẻ nhỏ, từ kiều bào nước ngoài đến đồng bào bị tạm chiếm đều chung một lòng yêu nước ghét giặc. Tinh thần yêu nước giống như các thứ của quý, mà bổn phận của nhân dân là phải làm cho tinh thần ấy đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến*.*  b. Tìm hiểu chung về văn bản  - Xuất xứ:  + Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay).  *+ Tên bài do người soạn sách đặt.*  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận  - Bố cục:  + Phần 1. Từ đầu đến “tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”  => Nhận định chung về lòng yêu nước  + Phần 2. Tiếp theo đến “một dân tộc anh hùng”.  => Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.  + Phần 3. Còn lại.  => Phát huy tinh thần yêu nước trong mọi công việc kháng chiến. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Trình bày được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Văn bản bàn về vấn đề gì? Nêu luận đề của văn bản.  + Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của nhân dân ta được thể hiện như thế nào.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Xác định luận điểm, các ý kiến và dẫn chứng có trong văn bản.  + Từ các luận điểm, các ý kiến và dẫn chứng vừa tìm được em hãy cho biết mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Vấn đề chính của văn bản.**  - Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, *kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước*.  **2. Hệ thống luận điểm, ý kiến, dẫn chứng của văn bản.**  – Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta.  + Ý kiến nhỏ 1: Lòng yêu nước thể hiện ở các cuộc kháng chiến vĩ đại trong lịch sử dân tộc.  Bằng chứng: Những trang sử vẻ vang thời Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.  + Ý kiến nhỏ 2: Lòng yêu nước thể hiện trong những hành động cụ thể của đồng bào ta ngày nay.  Bằng chứng:  Cụ già, em nhỏ…  Chiến sĩ, bộ đội…  Công nhân, nông dân…  **=> Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận:**  - Luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.  - Lí lẽ (ý kiến) và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết 1 đoạn văn khoảng 6 câu, nêu 1 số việc mà em đã hoàn thành tốt và lí giải vì sao những việc làm đó thể hiện tình yêu nước của em.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Tham khảo:

Tình yêu đất nước là một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp. Đầu tiên, có thể hiểu đơn giản rằng, yêu nước là tình cảm yêu mến, tự hào và gắn bó dành cho đất nước của mình. Đã từ lâu, tinh thần yêu nước trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong quá khứ, tinh thần đó được thể hiện ở lòng căm thù giặc ngoại xâm, sự đồng lòng và quyết tâm đánh bại quân xâm lược, giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước. Biết bao nhiêu người con của tổ quốc thân yêu đã ngã xuống, không tiếc tuổi trẻ, không tiếc mạng sống. Ở hiện tại, khi đất nước đã hòa bình, tinh thần đó lại được biểu hiện qua nhiều hành động. Tình yêu dành cho mảnh đất quê hương đã sinh ra và nuôi lớn chúng ta. Hay kiên trì học tập, rèn luyện để trở về xây dựng và phát triển quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ có lối sống lệch lạc, họ chỉ biết chạy theo vật chất, sa ngã vào các tệ nạn xã hội hay có những hành vi chống phá, gây tổn hại đến đất nước. Điều này thật đáng phê phán và cần xử lí nghiêm. Như vậy, mỗi người cần hiểu được rằng tinh thần yêu nước rất quý giá, mà trách nhiệm của mỗi người dân là cần giữ gìn và phát huy được.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Vẽ 1 bức tranh với chủ đề về tình yêu nước (Tình yêu quê hương, biển đảo)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 12**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN.

*- Luật chơi:* Xếp các từ sau thành câu theo các cách khác nhau: *chim, trên, hót, ríu rít, cây.*

- HS nào sắp xếp được thành nhiều câu có nghĩa nhất là người chiến thắng. Thời gian: 3 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, sắp xếp các từ thành nhiều câu có nghĩa nhất.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV thống kê xem HS nào viết được nhiều câu nhất.

GV yêu cầu HS viết được nhiều câu lên bảng ghi lại các câu mình đã viết

HS còn lại đối chiếu, nhận xét, bổ sung các đáp án khác.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến sản phẩm:

*Chim hót ríu rít trên cây.*

*Chim trên cây hót ríu rít.*

*Chim ríu rít hót trên cây.*

*Chim trên cây ríu rít hót.*

*Trên cây chim hót ríu rít.*

*Ríu rít trên cây chim hót.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Qua trò chơi ở phần Khởi động chúng ta đã biết có nhiều cách sắp xếp từ. Mỗi một cách sắp xếp có thể tạo thành 1 câu. Vậy trong các câu đó, câu nào là câu sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ. Chúng ta sẽ có được câu trả lời qua bài học ngày hôm nay. Hơn nữa, qua bài học ngày hôm nay chúng ta còn biết thêm kiến thức về câu hỏi tu từ.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *Qua PHT số 1, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ bằng 1 sơ đồ tư duy?*  **Phiếu học tập số 1**  *Chỉ ra điểm khác nhau của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | | a | a1. Một cành củi khô lạc mấy dòng | a2. Củi một cành khô lạc mấy dòng  (Huy Cận – Tràng Giang) |  |  | | b | b1. Mái tóc người cha bạc phơ | b2. Bạc phơ mái tóc người cha  Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người  (Tố Hữu - Ba mươi năm đời ta có Đảng) |  |   - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *Qua PHT số 2, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của câu hỏi tu từ bằng 1 sơ đồ tư duy?*  **Phiếu học tập số 2**  *Chỉ ra điểm giống nhau về mặt hình thức và điểm khác nhau về mục đích của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | | | **Giống** | **Khác** | | a | a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không? | a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được”?  (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng) |  |  | | b | b1. Em là học sinh trường nào? | b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?”  (Tố Hữu - Người con gái Việt Nam) |   - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **I. Tri thức Ngữ Văn**  **1. Đảo ngữ: Đặc điểm và tác dụng**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | | a | a1. Một cành củi khô lạc mấy dòng | a2. Củi một cành khô lạc mấy dòng | a1. Cách diễn đạt thông thường  a2. Thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ | - Nhấn mạnh hình ảnh  - Làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng | | b | b1. Mái tóc người cha bạc phơ | b2. Bạc phơ mái tóc người cha  Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người  (Tố Hữu) | b1. Cách diễn đạt thông thường  b2. Thay đổi vị trí thành phần trong câu (VN-CN) |     **2. Câu hỏi tu từ: Đặc điểm và tác dụng**  **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | | | **Giống nhau** | **Khác nhau** | | a | a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không? | a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được”?  (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng) | ***Hình thức:***  câu hỏi (Kết thúc bằng dấu chấm hỏi) | ***Mục đích:***  - a1, b1: hỏi thông tin nhằm mục đích làm sáng tỏ một nội dung nào đó mà người hỏi chờ đợi câu trả lời từ người được hỏi.  - a2: Nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé dành cho mẹ.  b2: Cảm thán, khẳng định vẻ đẹp của cô gái  -> Nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm | | b | b1. Em là học sinh trường nào? | b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?”  (Tố Hữu - Người con gái Việt Nam) | |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Câu 1 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:  a. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  (Hồ Chí Minh, Lòng yêu nước của nhân dân ta)  b. Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã súng lại trời thu tháng Tám,  (Tố Hữu, Ta đi Lớn)  **Câu 2 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  Đọc lại bài thơ Nam quốc sơn hà và thực hiện các yêu cầu sau:  a. Xác định câu hỏi tu từ có trong bài thơ này.  b. Nhận xét hiệu quả của câu hỏi tu từ ấy trong việc thể hiện nội dung của bài thơ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Trả lời:**  **Câu 1 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  a.  - Biện pháp tu từ đảo ngữ: “lòng nồng nàn yêu nước”.  - Cơ sở xác định: có sự thay đổi vị trí của từ “nồng nàn” trong cụm từ “lòng nồng nàn yêu nước” (cách nói thông thường là “lòng yêu nước nồng nàn”).  => Tác dụng: nhấn mạnh hình ảnh, làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.  b.  - Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ.  - Cơ sở xác định: có sự thay đổi vị trí thành phần câu: vị ngữ (đã tan tác, đã sáng lại) đứng trước chủ ngữ (những bóng thù hắc ám, trời thu tháng Tám).  => Tác dụng: nhấn mạnh hình ảnh, làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.  **Câu 2 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  a. Câu hỏi tu từ “Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?”.  b. Tác dụng: nhấn mạnh hành động ngang tàng, bạo ngược của giặc ngoại xâm và thể hiện thái độ phản đối mạnh mẽ của người viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 3 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  Câu hỏi dưới đây có phải là câu hỏi tu từ không? Dựa vào dâu em khẳng định như vậy?  *Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô giỏi làng Vòng giành cắm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?*  *(Vũ Bằng, Cốm Vòng)*  **Câu 4 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**[Viết đoạn văn (khoảng bốn đến năm câu) nêu cảm nhận của em về bài thơ Qua Đèo Ngang, trong đó có ít nhất một câu hỏi tu từ. Sau đó, cho biết câu hỏi ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của đoạn văn.](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-ct/viet-doan-van-neu-cam-nhan-cua-em-ve-bai-tho-qua-deo-ngang.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. | **Trả lời:**  **Câu 3 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  - Đó là câu hỏi tu từ.  - Cơ sở xác định: Câu hỏi này không nhằm tìm kiếm câu trả lời mà để bộc lộ tình cảm thiết tha của người viết dành cho cốm làng Vòng.  **Câu 4 (trang 12 sgk Ngữ văn 8 Tập 2):**  **Đoạn văn tham khảo**  Bạn biết không? Bà Huyện Thanh Quan là một nhà thơ nữ trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam, bà đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc. Bằng thể thơ thất ngôn bát cú đường luật rất chặt chẽ về vần, luật nhưng bài thơ gợi tả rất tinh tế cảnh đèo Ngang và tâm trạng buồn man mác của tác giả ẩn trong từng câu từng chữ trong bài thơ. Cảnh đèo Ngang hiện lên thật hoang sơ, chỉ có cỏ cây hoa lá chen chúc nhau um tùm, rậm rạp. Sự sống của con người có xuất hiện nhưng quá thưa thớt, ít ỏi "tiều vài chú", "chợ mấy nhà" làm cho cảnh vật hoang sơ, vắng lặng hơn. Đứng trước cảnh như thế trong không gian chiều tà và âm thanh tiếng chim quốc, chim đa đa kêu khắc khoải càng làm cho tâm trạng buồn, cô đơn vì phải xa quê hương gia đình của bà càng sâu đậm. Qua bài thơ đã cho em cảm nhận nỗi buồn thầm lặng không có người chia sẻ của tác giả.  - Câu hỏi tu từ: Bạn biết không?  - Tác dụng: Giúp gợi mở, khiến cho đoạn văn hấp dẫn và sinh động hơn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (Khoảng 4 đến 5 câu) trong đó có ít nhất 1 câu hỏi tu từ, nêu cảm nhận của em về bài thơ Qua đèo Ngang. Sau đó, cho biết câu hỏi ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của đoạn văn.

- HS nhận nhiệm vụ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Chạy giặc**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định đặc trưng thể loại thơ.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Chăm chỉ: ý thức tự giác học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

+ Cách chơi: học sinh xung phong trả lời câu hỏi, trả lời đúng được một tràng vỗ tay

+ Tổ chức: cho cả lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát, lắng nghe trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả: GV tổ chức hoạt động - HS trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả:GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Chạy giặc* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **I. HD HS Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản**  Yêu cầu: đọc to, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ.  **2. Tìm hiểu chú thích:**  GV giải thích thêm một số từ khó  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**   1. **Đọc** 2. **Chú thích** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ Đường luật: số lượng câu, chữ, vần.

- Nhận biết được hình ảnh, tình cảm – cảm xúc mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **II. HD HS Suy ngẫm – Phản hồi:**  **a. HD HS tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thể loại:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*** Thảo luận nhóm:  GV chia lớp thành ba nhóm yêu cầu nhóm thảo luận với Phiếu học tập 1  Nhóm 1: Tìm bố cục bài thơ  Nhóm 2:  Chỉ ra đặc điểm thể loại bài thơ  Nhóm 3:Tìm hình ảnh đặc sắc, biện pháp tu từ trong bài thơ  Thảo luận trả lời các ý trong phiếu học tập  **\*** GV nêu câu hỏi cho cả lớp  - *Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có gì khác biệt so với các câu 2,3,4,5?*  Câu 1 rất ngắn gồm 4 chữ, câu 6 câu lục bát.  *- Nêu tác dụng của việc gieo vần trong các câu tục ngữ?*  - Tác dụng của vần tạo nên sự hài hòa âm thanh các câu tục ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo tổ, GV gợi ý để trả lời câu hỏi vào phiếu HT  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động các nhóm.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo  - HS lắng nghe. | **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  **1. Đặc điểm hình thức thơ:**  a. Bố cục: Bốn phần: đề – thực – luận – kết.  + Đề (câu 1 – 2): giới thiệu tình hình đất nước bị giặc Tây xâm lược.  + Thực (câu 3 – 4): khắc hoạ chi tiết khung cảnh loạn lạc.  + Luận (câu 5 – 6): nhìn vấn đề trong một bối cảnh rộng hơn, sâu sắc hơn.  + Kết (câu 7 – 8): tình cảm yêu nước, thương dân, lo lắng cho vận mệnh đất nước.  - Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng:  + Số câu: 8.  + Số chữ trong câu: 7.  + Niêm: Chữ thứ hai câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 8 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai câu 3 cũng là “bằng”, chữ thứ hai câu 4 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 5 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 6 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 7 cũng là “bằng”.  - Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (*Tây – tay – bay – mây – này*).  - Đối: Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.  - Nhịp: 2/2/3 ở các câu 1, 3, 4, 5, 6 và nhịp 4/3 ở các câu 2, 7, 8 tạo được cảm xúc dồn dập, biến đổi.  => Kết luận: Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, vần của một bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng theo luật Đường.  **b. Hình ảnh:** chạy giặc của người dân được gợi tả từ *lơ xơ, dáo dác* (từ láy)*, tan bọt nước, nhuốm màu mây* vẽ ra bức tranh loạn lạc, tang thương với những con người yếu ớt, không nơi nương tựa.  **c. Biện pháp tu từ:**  - Đảo ngữ câu 3, 4, 5, 6 nhằm nhấn mạnh sự yếu ớt, không nơi nương tựa của con người trong cảnh loạn lạc.  - Câu hỏi tu từ đặt ra cuối bài thơ câu trả lời đã nằm ngay trong câu hỏi. Tác dụng: nhấn mạnh nội dung người viết gửi gắm: dân tộc này cần người có trách nhiệm đứng ra gánh vác, đối phó với giặc ngoại xâm. |
| **\* NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm – cảm xúc bài thơ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Tác giả muốn gửi gắm tình cảm gì qua các bài thơ này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời theo cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời các học sinh lần lượt trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá sản phẩm câu trả lời và rút ra kết luận  *Để đọc nhận diện tốt đặc điểm thể loại thơ Đường luật, giáo viên lưu ý HS một số ý đặc điểm hình thức và nội dung.*  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo | **2. Tình cảm, cảm xúc**  *-* Tác giả bày tỏ sự lo lắng, thương xót cho người dân, cho vận mệnh đất nước, đồng thời thể hiện sự thất vọng, sự trông đợi, sự chất vấn… đối với những “trang dẹp loạn”, những người có khả năng và trách nhiệm trước thời cuộc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Đọc – phân tích đặc điểm về thể loại bài thơ*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Gv quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả: Gv tổ chức hoạt động - Hs tham gia trò chơi, trả lời.

Bước 4: Đánh giá kết quả: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Sưu tầm kể tên một số bài thơ Đường luật

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành ở nhà.

B3. Báo cáo kết quả: HS nộp vở có hoàn thành đoạn văn.

B4. Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét bài HS.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết** **bài văn kể lại một hoạt động xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.

- Xác định được các yêu cầu đối với bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- HS viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu video sau và cho HS xem và yêu cầu trả lời câu hỏi sau khi xem video: <https://youtu.be/ukHK1GVyr0I?si=zhnf2dUyAHnxilc->

- Em có cảm xúc gì sau khi xem clip?

- Bản thân em đã tham gia hoạt động xã hội nào? Cùng chia sẻ suy nghĩ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS nghe bài hát, note nhanh những chi tiết phục vụ cho câu trả lời.

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời

B4: đánh giá kết luận

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài *Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *Kiểu bài này đã học ở Bài 4 (Sắc thái của tiếng cười). HS thảo luận nhóm trong 5p, nhớ lại kiến thức và hoàn thành bảng sau:*   |  |  | | --- | --- | | Ngôi kể là gì |  | | - Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động?  - Sắp xếp các thông tin đó như thế nào? |  | | Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể? |  | | Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì? |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.   |  |  | | --- | --- | | Ngôi kể là gì | Ngôi thứ nhất | | - Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động?  - Sắp xếp các thông tin đó như thế nào? | \* Nêu được các thông tin cơ bản:  - Miêu tả quang cảnh.  - Không gian diễn ra hoạt động – Thời gian diễn ra hoạt động.  \* Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí. | | Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể? | Kết hợp yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn. | | Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì? | - Mở bài: giới thiệu hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ và cảm xúc.  - Thân bài: Nêu các thông tin cơ bản ở trên.  - Kết bài: Khẳng định giá trị hoạt động xã hội, suy nghĩ co bản thân. | | **I. Tìm hiểu chung**  - Ngôi thứ nhất  - Nêu được các thông tin cơ bản:  + Miêu tả quang cảnh  + Không gian diễn ra hoạt động  + Thời gian diễn ra hoạt động  \* Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.  - Bố cục: 3 phần  + Mở bài: giới thiệu hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ và cảm xúc.  + Thân bài: Nêu các thông tin cơ bản ở trên.  + Kết bài: Khẳng định giá trị hoạt động xã hội, suy nghĩ co bản thân. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được đề tài sẽ viết.

- HS xác định được bố cục và những chi tiết trong bài viết

- HS viết được bài văn

- HS đánh giá bài làm của mình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu cho HS một số hoạt động và cho HS lựa chọn.  + Em viết về đề tài gì?  + VB mà em viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc VB này là ai ?  - GV phát phiếu tìm ý và hoàn thiện phiếu tìm ý  - GV hướng dẫn HS đọc gợi ý trong phiếu  (HS làm việc cá nhân)  - ND phiếu : Phiếu ghi chép câu chuyện về hoạt động xã hội mà tôi chứng kiến hoặc tham gia.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Hướng dẫn quy trình viết**  **\* Đề bài:** Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Trong bài viết có kết hợp kể với hai yếu tố miêu tả và biểu cảm.  **1. Trước khi viết**  - Mục đích viết  - Người đọc  - Đề tài  - Tài liệu thu thập |
| **\*NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu sơ đồ phác thảo tìm ý.  - GV yêu cầu HS sắp xếp những ý trong sơ đồ để trở thành dàn ý của bài văn kể chuyện về một hoạt động xã hội.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  **-** Gồm những sự việc nào?  - Không, thời gian diễn ra hoạt động xã hội đó?  - Quang cảnh và con người?  - Suy nghĩ và cảm xúc của em?  **b) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu hoạt động xã hội em sẽ kể, cảm xúc.  - *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc có kết hợp hai yếu tố miêu tả và biểu cảm  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. |
| **\* NV3:**  **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS Dựa vào dàn ý trên: viết hoàn chỉnh bài văn.  Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn  - Thống nhất về ngôi kể  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  GV gọi HS 1-3 em đọc  **HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn**  **B4: Kết luận và nhận định của GV**  - GV kết luận và giao nhiệm vụ  - HS về nhà hoàn thiện bải văn hoàn chỉnh theo những góp ý | **3. Viết bài**  - Viết theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng những yếu tố miêu tả và biểu cảm |
| **\* NV4:**  **B1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu bảng kiểm  - HS trao đổi bài cho nhau  - Dùng bảng kiểm để góp ý  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo yêu cầu cuả GV  **B3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài củabạn  - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định của GV:**  GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết. | **4. Chỉnh sửa bài viết**  - Giáo viên chiếu bảng kiểm để HS đối chiếu và đánh giá. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tổ chức trò chơi Mảnh ghép bí mật và cho hs lần lượt lật từng mảnh ghép tương ứng với các câu hỏi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chốt lại kiến thức | - Các câu hỏi liên quan đến ngôi kể  - Câu hỏi về bố cục  - Về yêu cầu trong phần thân bài. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đặt câu hỏi:“Viết bài văn kể lại một lần tham gia “ngày chủ nhật xanh” dọn dẹp rác ở khu phố em ở”

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS trình bày được nội dung thuyết trình của người khác.

- HS tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của cuộc trao đổi.

- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- Gv chiếu video

- Hs vừa lắng nghe vừa ghi tóm tắt lại những hoạt động có ích với cộng đồng mà thanh niên quận Lê Chân đã làm trong video vào giấy note.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** quan sát, lắng nghe và ghi lại

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- HS trình bày cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Bản thân chúng ta đã tham gia nhiều hoạt động có ích vì cộng đồng, trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng chia sẻ về những việc làm đó trong hoạt động Nói và nghe: Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Trình bày cụ thể nhiệm vụ các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Chuẩn bị nói và nghe**  - Các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác:   |  |  | | --- | --- | | **Bước 1. Chuẩn bị trước khi nghe**  - Đọc lại bài viết kể lại 1 hoạt động xã hội có ý nghĩa với cộng đồng đã thực hành ở hoạt động Viết.  - Liệt kê các ý sẽ trình bày trong bài nói của mình | | | **Bước 2: Nghe và ghi tóm tắt** | | | Cách thức tóm tắt | - Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ  - Sử dụng kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật ý.  - Viết dưới dạng sơ đồ | | Chú ý nói | - Phần mở đầu, kết thúc.  - Những phần được lặp lại trong thân bài  - Tốc độ nói  - Từ khóa của bài nói  - Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu… (nếu có) |   **Bước 3: Trao đổi**  - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa (nếu cần)  - Xác định với người nói về nội dung vừa tóm tắt. Trao đổi với người nói về ý kiến chưa rõ hoặc có quan điểm khác.  - Trao đổi phần ghi tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác. |

**Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được nội dung thuyết trình của người khác.

- Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm.  - Sau đó gọi 1,2 học sinh trình bày bài nói đã chuẩn bị trước lớp.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1:** Gv yêu cầu hs trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs đọc lại bài thuyết trình của mình.  - Lắng nghe bài thuyết trình của bạn và tóm tắt bài của bạn.  - Ghi phần tóm tắt và những gì cần trao đổi với bạn lại vào giấy note. (dựa vào bảng kiểm để tóm tắt)  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm và trong lớp.  - Đọc phần tóm tắt của mình trong nhóm/ lớp.  - Tiến hành đánh giá chéo dựa vào bảng kiểm.  **C:\Users\PC\Desktop\a.png**  **Bước 4. Đánh giá kết luận**  - Nhận xét về phần tóm tắt của hs theo bảng kiểm.  - Có thể cho điểm nếu cần.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **II.** **Thực hành nói và nghe**  Phần thực hành: Bài tóm tắt nội dung thuyết trình của HS. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu hệ thống câu hỏi, yêu cầu hs trả lời

**Câu 1:** Hoạt động Nói và nghe trải qua mấy bước?

**A. 3 bước: chuẩn bị trước khi nghe, nghe và ghi chép, đọc lại và chỉnh sửa**

B. 3 bước: nghe, ghi tóm tắt và trao đổi.

C. 2 bước: chuẩn bị trước khi nghe và thực hành nói nghe

D. 2 bước: lắng nghe và ghi tóm tắt.

**Câu 2:** Đâu không phải là những lưu ý khi nghe?

A. Tập trung lắng nghe nội dung, chú ý vào ý chính của bài nói.

**B. Chú ý vào trang phục, đạo cụ, cử chỉ, hành động của người nói.**

C. Chú ý phần mở đầu và kết thúc; những từ khoá, các phần được lặp đi lặp lại trong bài.

D. Chú ý tốc độ nói; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, hình ảnh…

**Câu 3:** Khi ghi chép, cần chú ý điều gì?

**A. Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, dưới dạng cụm từ, từ khoá; sử dụng các kí hiệu; ghi theo kiểu sơ đồ.**

B. Chú ý ghi theo kiểu sơ đồ, trang trí cho sơ đồ ấn tượng để dễ nhớ.

C. Cố gắng ghi nhanh và chi tiết nội dung mà người nói đã trình bày bằng ngôn từ của mình.

D. Chỉ lựa chọn chi tiết, sự việc quan trọng nhất để ghi lại.

**Câu 4:** Vì sao sau khi ghi chép nội dung cần tóm tắt lại phải đọc lại và chỉnh sửa?

A. Để dễ trao đổi với người nói về nội dung muốn trao đổi.

B. Để làm cho bài tóm tắt được hoàn chỉnh và đầy đủ hơn.

**C. Để khắc phục việc ghi chép thiếu và chưa chính xác.**

D. Để dễ trao đổi với những người nghe khác về nội dung muốn trao đổi.

**Câu 5:** Khi trao đổi với người nói, em nên có thái độ như thế nào?

A. Thái độ nghiêm túc để người nghe có thể thấy được vấn đề cần chỉnh sửa.

B. Thái độ thẳng thắn, nghiêm túc, không nên nể nang.

C. Thái độ nhẹ nhàng, không nên chê mà chỉ khen bạn.

**D. Thái độ nhẹ nhàng, góp ý chân thành, có tinh thần học hỏi, không nên soi mói.**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ các câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gọi học sinh trả lời.

**\* Đánh giá kết luận:** Gv nhận xét tinh thần và thái độ học tập của Hs.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu học sinh tiếp tục hoàn thành bài tóm tắt của mình ở nhà.

- Tiếp tục trao đổi trong nhóm với nhau về bài tóm tắt của mình, chỉnh sửa cho hoàn chỉnh.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs tiếp tục trao đổi, tóm tắt ở nhà.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** nhờ chính tác giả trình bày bài thuyết trình nhận xét bài tóm tắt.

**\* Đánh giá kết luận:** Gv đánh giá tinh thần và ý thức học tập của học sinh.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về thể loại thơ luật Đường.

- Kiến thức về tiếng Việt: đặc điểm và chức năng của đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

**2. Về năng lực:**

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi theo hình thức cá nhân.

- GV hướng dẫn cách chơi cho hs, trình chiếu câu hỏi trên màn hình.

- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời, mỗi câu suy nghĩ trong 15s.

**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Hs trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, gợi mở

**B 3: Báo cáo**

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs trả lời các câu hỏi.

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Câu 1:** Bài thơ thất ngôn bát cú có:

A. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có 8 chữ

**B. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có bảy chữ**

C. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 8 chữ

D. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 7 chữ

**Câu 2:** Thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường có:

A. bố cục, luật, niêm B. bố cục, vần, luật, niêm

C. bố cục, niêm, đối, vần **D. bố cục, luật, niêm, vần, đối**

**Câu 3:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong 2 câu thơ sau:

*“Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*

(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

A. Câu hỏi tu từ **B. Đảo ngữ**

C. Nhân hóa D. So sánh

**Câu 4:** Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội sử dụng ngôi thứ mấy để kể?

A. Ngôi thứ nhất hoặc thứ 3 B. Ngôi thứ 3

C. Ngôi thứ 2 **D. Ngôi thứ nhất**

**Câu 5:** Phần mở của bài văn kể lại một hoạt động xã hội cần đáp ứng yêu cầu gì?

A. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã tham gia

**B. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc**

C. Giới thiệu một hoạt động xã hội được chứng kiến

D. Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra hoạt động xã hội

**Câu 6:** Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác gồm mấy phần?

A. 5 phần B. 4 phần **C. 3 phần** D. 2 phần

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi cá nhân.

**\* Đánh giá kết luận:** GV nhận xét, đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường qua các văn bản đã học.

- Ôn tập được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.

**b. Nội dung**

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  GV yêu cầu HS Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 6.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  - Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường (Trung Quốc).  + Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.  + Thơ tứ tuyệt luật Đường: Mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. Thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tử tuyệt luật Đường thể hiện qua bố cục, luật, niêm, vần, đối.  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt luật Đường đều gồm bốn phần:  + Bố cục bài thơ thất ngôn bát củ luật Đường thường được chia theo các cặp câu: Đề (câu 1, 2: mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ); Thực (câu 3, 4: triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc); Luận (câu 5, 6: mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc); Kết (câu 7, 8: thâu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý). Tuy vậy, bố cục bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường cũng có thể chia theo những cách khác (ví dụ: bốn câu đầu — bốn câu cuối; sáu câu đầu – hai câu cuối...).  + Bố cục bài thơ tứ tuyệt luật Đường thường được chia làm bốn phần: Khai (câu 1: khai mở ý của bài thơ); Thừa (câu 2: thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần Khai); Chuyển (câu 3: chuyển ý); Hợp (câu 4: kết ý). Nhưng cũng có thể chia bố cục bài thơ thuộc thể này thành hai phần: câu 1 – 2; câu 3 – 4.  **\* Luật:**  - Luật thơ là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ.  - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần tuân theo luật bằng/ trắc rõ ràng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc thanh huyền) thì bài thơ làm theo luật bằng. Ví dụ: tiếng “thu” trong câu 1 – bài thơ Thu điếu của Nguyễn Khuyến: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo cho biết bài thơ bát cú này làm theo luật bằng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì bài thơ làm theo luật trắc. Ví dụ: tiếng “dạ” trong câu 1 – bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh: Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên cho biết bài thơ tứ tuyệt này làm theo luật trắc.  **\* Niêm:** Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường được gọi là niệm. Hai câu thơ được gọi là niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định niêm luật như sau: câu 1 niệm với câu 8; câu 2 niệm với câu 3; câu 4 niệm với câu 5; câu 6 niệm với câu 7. Thơ tứ tuyệt luật Đường quy định câu 1 niệm với câu 4, câu 2 niệm với câu 3.  **\* Vần:** Cách gieo vần của thơ luật Đường là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng.  **\* Nhịp**: Cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.  **\* Đối:** Cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu. Thơ tứ tuyệt luật Đường không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  **2. Đảo ngữ: đặc điểm và tác dụng**  - Đảo ngữ là biện pháp tu từ thay đổi vị trí các thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng. Ví dụ:  *Củi một cành khô lạc mấy dòng*  (Huy Cận, Tràng giang)  - Việc thay đổi vị trí từ “củi” trong cụm từ “của một cành khô” (cách diễn đạt thông thường là “một cành củi khô”) có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.  **3. Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng**  - Câu hỏi tu từ là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.  Ví dụ:  “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.  (Ba-bin-đra-nát Ta-go, Mây và sóng)  - Câu hỏi tu từ “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” được sử dụng để nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé với người mẹ. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tóm tắt các đặc điểm của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.  **Câu 2 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đọc lại các văn bản đã học trong bài và điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở).   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | | Nam quốc sơn hà |  |  |  | | Qua Đèo Ngang |  |  |  | | Chạy giặc |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội | **4. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.  - Thơ tứ tuyệt luật Đường: Mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. Thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tử tuyệt luật Đường thể hiện qua bố cục, luật, niêm, vần, đối.  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt luật Đường đều gồm bốn phần:  + Bố cục bài thơ thất ngôn bát củ luật Đường thường được chia theo các cặp câu: Đề (câu 1, 2: mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ); Thực (câu 3, 4: triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc); Luận (câu 5, 6: mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc); Kết (câu 7, 8: thâu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý). Tuy vậy, bố cục bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường cũng có thể chia theo những cách khác (ví dụ: bốn câu đầu — bốn câu cuối; sáu câu đầu – hai câu cuối...).  + Bố cục bài thơ tứ tuyệt luật Đường thường được chia làm bốn phần: Khai (câu 1: khai mở ý của bài thơ); Thừa (câu 2: thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần Khai); Chuyển (câu 3: chuyển ý); Hợp (câu 4: kết ý). Nhưng cũng có thể chia bố cục bài thơ thuộc thể này thành hai phần: câu 1 – 2; câu 3 – 4.  - Luật:  + Luật thơ là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ.  + Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần tuân theo luật bằng/ trắc rõ ràng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc thanh huyền) thì bài thơ làm theo luật bằng. Ví dụ: tiếng “thu” trong câu 1 – bài thơ Thu điếu của Nguyễn Khuyến: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo cho biết bài thơ bát cú này làm theo luật bằng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì bài thơ làm theo luật trắc. Ví dụ: tiếng “dạ” trong câu 1 – bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh: Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên cho biết bài thơ tứ tuyệt này làm theo luật trắc.  - Niêm: Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường được gọi là niệm. Hai câu thơ được gọi là niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định niêm luật như sau: câu 1 niệm với câu 8; câu 2 niệm với câu 3; câu 4 niệm với câu 5; câu 6 niệm với câu 7. Thơ tứ tuyệt luật Đường quy định câu 1 niệm với câu 4, câu 2 niệm với câu 3.  - Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng.  - Nhịp: Cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.  - Đối: Cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu. Thơ tứ tuyệt luật Đường không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  **Câu 2 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | | Nam quốc sơn hà | Nam quốc, Nam đế, tiệt nhiên, thiên thư, nghịch lỗ... | Mạch cảm xúc trong bài thơ Nam quốc sơn hà đi từ niềm tự hào dân tộc đến quyết tâm chiến thắng giặc ngoại xâm. | Tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm thể hiện qua việc khẳng định chủ quyền và quyết tâm bảo vệ lãnh thổ. | | Qua  Đèo Ngang | Lom khom, lác đác, đau lòng, mỏi miệng, tình riêng… | Mạch cảm xúc trong bài thơ Qua Đèo Ngang có sự vận động từ nỗi buồn giữa không gian hoang vắng đến tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước, cô đơn, lẻ loi. | Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thà khi đứng trước khung cảnh hoang vắng, cô liệu của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước của một thời quá vãng. | | Chạy giặc | Lơ xơ, dáo dác, tan bọt nước, nhuốm màu mây… | Mạch cảm xúc trong bài thơ Chạy giặc có sự vận động từ sự vận động từ sự bàng hoàng, thoảng thốt khi nghe tiếng súng giặc và chứng kiến cảnh loạn lạc sang cảm xúc suy tư sâu lắng về vận mệnh dân tộc. | Sự đau đớn, xót thương cho cảnh chạy giặc của người dân và lòng mong mỏi những người có trách nhiệm đứng ra gánh vác trọng trách với nước nhà. | |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 3 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nhận xét về bố cục, niêm, luật, vần, nhịp của bài thơ sau:  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa,*  *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*  *Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,*  *Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*  (Hồ Chí Minh, Cảnh khuya)  **Câu 4 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Xác định biện pháp đảo ngữ và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong trường hợp sau:  *Xiên ngang mặt đất, rêu từng đêm,*  *Đàm toạc chân mày, đã mấy hòn*.  (Hồ Xuân Hương, Tự tình)  **Câu 5 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Câu hỏi trong đoạn thơ dưới đây có phải là câu hỏi tu từ không? Nhận xét hiệu quả của câu hỏi này trong việc thể hiện nội dung của đoạn thơ.  *Năm nay đào lại nở,*  *Không thấy ông đồ xưa.*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?*  (Vũ Đình Liên, Ông đồ)  **Câu 6 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Em rút ra được bài học gì khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng?  **Câu 7 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Ghi lại ít nhất hai kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  **Câu 8 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Từ những nội dung đã học trong bài này, em hiểu thế nào là tình yêu Tổ quốc?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **Câu 3 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Bố cục hai phần:  + Câu 1 – 2: tả khung cảnh thiên nhiên thơ mộng  + Câu 3 – 4: khắc hoạ hình ảnh con người ưu tư vì dân vì nước.  - Niêm: Chữ thứ hai của câu 1 là “trắc” niệm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”. Luật: Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc vần bằng theo luật Đường.  - Vần chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (xa – hoa – nhà).  - Nhịp: cách ngắt theo nhịp 3/4 ở câu đầu “Tiếng suối trong như tiếng hát xa” và nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 ở các câu sau. Sự chuyển nhịp này góp phần tạo nét sinh động, duyên dáng  cho bài thơ.  - Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đổi cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú.  **Câu 4 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương xuất hiện biện pháp đảo ngữ ở cả trong cụm từ và trong câu thơ. Ở cấp độ cụm từ, tác giả đã đảo vị trí của từ “rêu” lên trước “từng đám” và đảo từ “đá” lên trước “mấy hòn” (cách diễn đạt thông thường là “từng đám rêu”, “mấy hòn đá”). Ở cấp độ câu, tác giả đã đảo vị trí của vị ngữ (“xiên ngang mặt đất” và “đâm toạc chân mây”) lên trước chủ ngữ (“rêu” và “đá”). Cách diễn đạt thông thường trong trường hợp này là: Từng đám rêu xiên ngang mặt đất/ Mấy hòn đã đâm toạc chân máy. Việc thay đổi vị trí này có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.  **Câu 5 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Câu hỏi trong đoạn thơ chính là câu hỏi tu từ, vì câu hỏi này không được dùng để hỏi, để tìm kiếm câu trả lời, mà để nhấn mạnh cảm xúc bồi hồi nhớ thương, tiếc mối những hình ảnh đẹp của những con người đã qua, không còn gặp lại.  **Câu 6 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Em rút ra được bài học khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng là:  - Phải chọn được một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng.  - Xác định được mục đích viết và các hoạt động thể hiện được tình yêu quê hương, đất nước…  - …  **Câu 7 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Hai kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác là:  - Tập trung lắng nghe và ghi chép các thông tin thuyết trình.  - Góp ý, phản hồi về các thông tin thuyết trình.  - …  **Câu 8 (trang 16 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Yêu Tổ quốc là tình yêu, sự kính trọng và tôn thờ quê hương, đất nước, khắc sâu trong tim.  - Là phẩm chất cao quý của mọi người, thể hiện ở việc sẵn sàng giúp nước lúc khó khăn.  - Là tình cảm thiêng liêng mà người dân đối với Tổ quốc thể hiện qua các hoạt động tích cực đối với cộng đồng.  - … |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**